ĐỌC VÀ KHAI THÁC GIÁO TRÌNH TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC HỌC PHẦN DẪN LUẬN NGÔN NGỮ CỦA SINH VIÊN CÁC NGÀNH NGÔN NGỮ: KHẢO SÁT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Nguyễn Thị Gấm
Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt: *Bài viết khảo sát thực trạng đọc và khai thác giáo trình trong hoạt động tự học học phần Dẫn luận ngôn ngữ của sinh viên các ngành ngôn ngữ tại Trường Đại học Hạ Long. Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi trực tuyến với 125 phản hồi hợp lệ, kết hợp với dữ liệu quan sát sư phạm trong quá trình giảng dạy. Kết quả cho thấy 73,6% SV đánh giá giáo trình ở các mức từ "rất khó hiểu" đến "tương đối khó hiểu"; các hoạt động đòi hỏi mức độ chủ động cao như nghiên cứu trước bài học, tóm tắt và hệ thống hóa kiến thức được thực hiện chưa thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy việc hỗ trợ SV đọc và khai thác giáo trình là một vấn đề cần được quan tâm trong tổ chức tự học học phần. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng hỗ trợ SV đọc, khai thác giáo trình và gắn hoạt động đọc giáo trình với các nhiệm vụ học tập.*

Từ khóa: *Dẫn luận ngôn ngữ; giáo trình; đọc và khai thác giáo trình; tự học; sinh viên các ngành ngôn ngữ.*

READING AND UTILIZING THE TEXTBOOK IN SELF-STUDY FOR THE "INTRODUCTION TO LINGUISTICS" COURSE: A SURVEY OF LANGUAGE MAJORS AT HA LONG UNIVERSITY

Abstract: *This article examines the current practices regarding reading and utilizing the textbook during self-study for the "Introduction to Linguistics" course among language majors at Ha Long University. The study utilized an online questionnaire yielding 125 valid responses, combined with pedagogical observation data collected during instruction. The results indicate that 73.6% of students rated the textbook as ranging from "very difficult to understand" to "relatively difficult to understand"; activities requiring a high level of initiative—such as pre-lesson study, summarizing, and systematizing knowledge—were not frequently performed. The findings suggest that supporting students in reading and utilizing the textbook is a matter requiring attention when organizing self-study for the course. Based on these results, the article proposes strategies to assist students in reading and utilizing the textbook and to integrate textbook reading activities with specific learning tasks.*

Keywords: *Introduction to Linguistics; textbook; reading and utilizing the textbook; self-study; language majors.*

Nhận bài: 19/07/2026 *Phản biện: 19/08/2026* *Duyệt đăng: 22/08/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong đào tạo đại học, hoạt động học tập của sinh viên (SV) không chỉ diễn ra trên lớp mà còn bao gồm quá trình tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên (GV). Theo Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, thời gian học tập của người học trong một tín chỉ bao gồm cả tự học có hướng dẫn; đồng thời, phương pháp giảng dạy cần thúc đẩy năng lực tự học và học tập suốt đời. Trong quá trình đó, giáo trình là một trong những nguồn học liệu chính thức và quan trọng, giúp SV tiếp cận, củng cố và mở rộng tri thức của học phần. Vì vậy, khả năng đọc và khai thác giáo trình có ý nghĩa đối với việc thực hiện nhiệm vụ học tập (NVHT) và tổ chức hoạt động tự học của SV.

Trong thực tế dạy học đại học, việc đọc và hiểu giáo trình đôi khi được mặc nhiên xem là năng lực SV đã có. Tuy nhiên, nghiên cứu về trải nghiệm đọc học thuật của SV đại học cho thấy có thể tồn tại khoảng cách giữa yêu cầu đọc trong đào tạo và thực hành đọc thực tế của SV (Gorzycki et al., 2020). Theo đó, SV tự đọc và khai thác giáo trình, còn GV chủ yếu hướng dẫn nội dung chuyên môn của học phần. Cách nhìn này đặt ra một vấn đề đáng lưu ý: Liệu SV đã thực sự có khả năng đọc và khai thác giáo trình một cách hiệu quả hay chưa? Đối với những học phần có nội dung mang tính khái quát và lí luận cao, nhiều khái niệm và thuật ngữ chuyên môn, vấn đề này càng cần được quan tâm.

Trong chương trình đào tạo của nhiều ngành ngôn ngữ, Dẫn luận ngôn ngữ là học phần cơ sở ngành, cung cấp những tri thức nền tảng về bản chất và chức năng của ngôn ngữ, hệ thống tín hiệu, ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa, ngữ pháp và một số vấn đề cơ bản khác của ngôn ngữ học. Nội dung học phần đòi hỏi SV không chỉ ghi nhớ khái niệm, thuật ngữ mà còn phải nhận diện, phân loại, giải thích và phân tích các hiện tượng ngôn ngữ. Do đó, đọc, hiểu, hệ thống hóa và khai thác nội dung giáo trình là những hoạt động quan trọng đối với việc học tập và tự học học phần này.

Từ thực tiễn trực tiếp giảng dạy học phần Dẫn luận ngôn ngữ tại Trường Đại học Hạ Long,

chúng tôi nhận thấy một bộ phận SV gặp khó khăn khi đọc giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học – tài liệu học tập chính thức của học phần. Khó khăn thể hiện ở việc nắm bắt khái niệm, thuật ngữ, xác định nội dung trọng tâm, liên kết và hệ thống hóa kiến thức, cũng như vận dụng nội dung đã đọc để thực hiện NVHT. Bên cạnh đó, các hoạt động như đọc trước bài, tóm tắt, hệ thống hóa kiến thức và chủ động khai thác giáo trình trong tự học chưa được thực hiện thường xuyên. Thực tế này cho thấy việc đọc và khai thác giáo trình của SV cần được quan tâm trong tổ chức hoạt động tự học ở đại học.

Xuất phát từ vấn đề trên, nghiên cứu tiến hành khảo sát thực trạng đọc và khai thác giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học của SV các ngành ngôn ngữ tại Trường Đại học Hạ Long, tập trung vào những khó khăn khi tiếp cận nội dung giáo trình và mức độ thực hiện một số hoạt động khai thác giáo trình phục vụ tự học. Kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp những dữ liệu bước đầu về vấn đề này trong một bối cảnh đào tạo cụ thể, đồng thời làm cơ sở đề xuất một số định hướng hỗ trợ SV đọc, khai thác giáo trình và tổ chức hoạt động tự học học phần Dẫn luận ngôn ngữ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung khảo sát hoạt động đọc, khai thác giáo trình và tự học học phần Dẫn luận ngôn ngữ của SV. Khách thể khảo sát là SV các ngành ngôn ngữ đang học học phần Dẫn luận ngôn ngữ tại Trường Đại học Hạ Long.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua bảng hỏi trực tuyến trên nền tảng Google Forms, với 125 phản hồi hợp lệ. Bảng hỏi gồm 12 câu hỏi, được thực hiện trong năm học 2025-2026 đối với SV các ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật và Ngôn ngữ Anh, sau khi SV đã học xong học phần Dẫn luận ngôn ngữ. Nội dung bảng hỏi tập trung vào ba nhóm vấn đề chính: (1) mức độ khó của giáo trình và các chương học; (2) những khó khăn SV gặp phải trong quá trình học tập; (3) thói quen và các hoạt động tự học, đặc biệt là việc đọc và khai thác giáo trình. Bên cạnh dữ liệu khảo sát, nghiên cứu sử dụng dữ liệu quan sát sư phạm từ thực tiễn giảng dạy và đối chiếu với đề cương chi tiết học phần nhằm bổ sung và làm rõ các biểu hiện được ghi nhận qua bảng hỏi.

Dữ liệu khảo sát được xử lí chủ yếu bằng thống kê mô tả, thông qua tần suất và tỉ lệ phần trăm, nhằm nhận diện những đặc điểm nổi bật trong việc đọc, khai thác giáo trình và tự học của SV. Các kết quả được phân tích, đối chiếu với dữ liệu quan sát sư phạm và yêu cầu của học phần, từ đó rút ra nhận xét về thực trạng và đề xuất một số định hướng hỗ trợ phù hợp.

2.2. Thực trạng đọc và khai thác giáo trình trong hoạt động tự học của sinh viên

2.2.1. Khó khăn khi tiếp cận và đọc giáo trình

Đánh giá của SV về mức độ khó của giáo trình

Trong nghiên cứu này, việc đọc giáo trình được xem xét trước hết qua đánh giá của SV về mức độ khó của tài liệu và những biểu hiện trong quá trình sử dụng giáo trình để học tập.

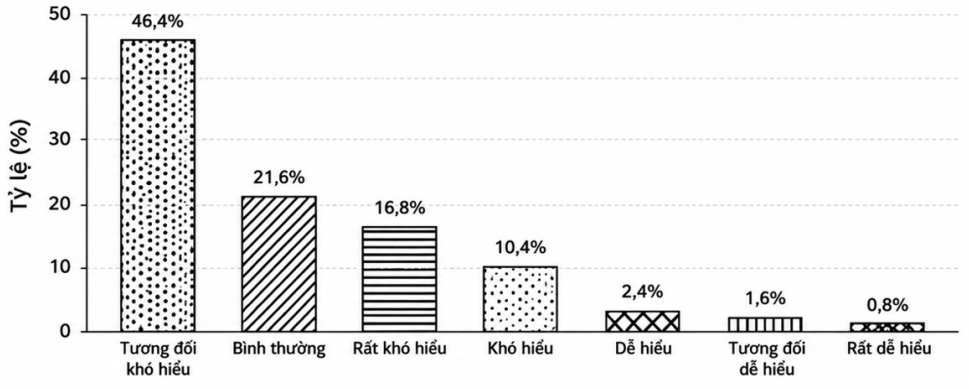

Hình 1. Mức độ khó của giáo trình (Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Kết quả khảo sát cho thấy nhiều SV gặp khó khăn khi tiếp cận giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học. Các mức đánh giá từ "rất khó hiểu" đến "tương đối khó hiểu" chiếm 73,6% tổng số ý kiến, trong đó "tương đối khó hiểu" chiếm tỉ lệ cao nhất (46,4%). Số SV đánh giá giáo trình "dễ hiểu" hoặc "rất dễ hiểu" chiếm tỉ lệ thấp. Kết quả này cho thấy một bộ phận đáng kể SV tự nhận thấy khó khăn khi đọc và tiếp cận nội dung giáo trình.

Khi đọc giáo trình, SV không chỉ cần nắm các định nghĩa mà còn phải nhận diện mối quan hệ giữa các khái niệm và vận dụng kiến thức vào

những NVHT cụ thể. Đây là yêu cầu tương đối mới đối với một bộ phận SV khi tiếp cận học phần có tính lí luận ở bậc đại học.

Đánh giá của SV về mức độ khó của các chương

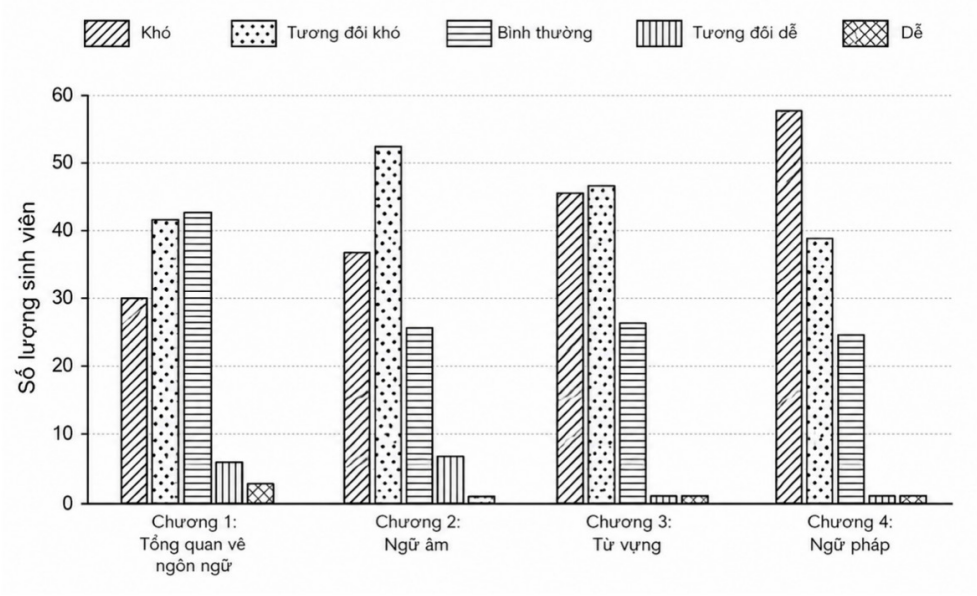

Hình 2. Đánh giá của SV về mức độ khó của các chương

Mức độ khó của các chương trong học phần có sự khác biệt. Trong đó, Chương 4 – Ngữ pháp được SV đánh giá là khó nhất; Chương 2 – Ngữ âm và Chương 3 – Từ vựng cũng có tỉ lệ lựa chọn mức "khó" và "tương đối khó" khá cao. Chương 1 – Tổng quan về ngôn ngữ được đánh giá tương đối dễ tiếp cận.

Theo quan sát quá trình SV thực hiện NVHT, một bộ phận SV còn gặp khó khăn trong việc xác định nội dung trọng tâm của chương, liên kết các đơn vị kiến thức và vận dụng nội dung đã đọc. Những biểu hiện này cho thấy mức độ khó mà SV cảm nhận không chỉ liên quan đến việc tiếp nhận từng khái niệm riêng lẻ mà còn đến quá trình tổ chức và sử dụng kiến thức của học phần.

2.2.2. Thực trạng hoạt động tự học

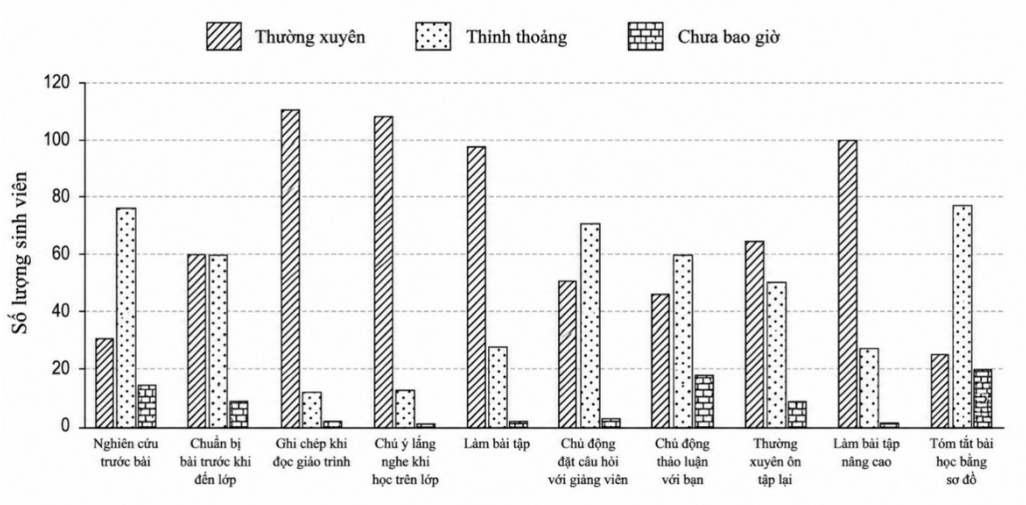

Hình 3. Hoạt động học tập học phần Dẫn luận ngôn ngữ của SV

Trong quá trình tự học, có một số hoạt động học tập được SV thực hiện khá thường xuyên: 88,8% thường xuyên ghi chép khi đọc giáo trình, 87,2% chú ý lắng nghe trên lớp và 78,4% thường xuyên làm bài tập. Tỉ lệ này thấp hơn ở những hoạt động đòi hỏi SV chủ động chuẩn bị, hệ thống hóa và trao đổi kiến thức: 24,0% thường xuyên nghiên cứu bài trước khi đến lớp, 20,0% thường xuyên tóm tắt bài học bằng sơ đồ, 40,0% thường xuyên đặt câu hỏi với GV và 36,8% thường xuyên trao đổi, thảo luận với bạn học.

Dữ liệu tự báo cáo về mức độ chủ động tương tác với GV có sự khác biệt nhất định so với quan sát thực tế lớp học. Mặc dù 40,0% SV cho biết thường xuyên đặt câu hỏi với GV, mức độ trao đổi học thuật trực tiếp trên lớp chưa thật sự nổi bật.

Điều này cho thấy dữ liệu tự báo cáo cần được đối chiếu với quan sát sư phạm để đánh giá đầy đủ hơn hoạt động học tập của SV.

Nhìn chung, SV thực hiện tương đối thường xuyên các hoạt động mang tính tiếp nhận và hoàn thành yêu cầu học tập; trong khi các hoạt động đòi hỏi mức độ chủ động cao hơn như nghiên cứu trước bài, hệ thống hóa kiến thức, đặt câu hỏi và trao đổi học thuật chưa được duy trì thường xuyên. Một bộ phận SV vì vậy còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận, xử lí và tổ chức lại kiến thức từ giáo trình để phục vụ tự học. Vì vậy, việc hỗ trợ tự học học phần Dẫn luận ngôn ngữ cần gắn với việc hướng dẫn SV đọc và khai thác giáo trình một cách có phương pháp.

2.3. Một số định hướng hỗ trợ đọc và khai thác giáo trình trong hoạt động tự học học phần Dẫn luận ngôn ngữ

2.3.1. Hướng dẫn SV đọc và khai thác giáo trình

Với 73,6% SV đánh giá giáo trình ở các mức từ "rất khó hiểu" đến "tương đối khó hiểu", cùng với biểu hiện một bộ phận SV còn gặp khó khăn trong việc xác định trọng tâm và vận dụng kiến thức, việc hướng dẫn cách đọc và khai thác giáo trình cần được quan tâm trong quá trình dạy học.

Trước hết, GV có thể hướng dẫn SV đọc giáo trình theo hệ thống câu hỏi định hướng thay vì chỉ tiếp nhận thông tin theo trình tự của văn bản. Đối với mỗi chương, câu hỏi có thể tập trung vào những vấn đề cốt lõi như: khái niệm trung tâm của chương là gì; các tiêu chí phân loại được xác lập như thế nào; các khái niệm có điểm giống và khác nhau ra sao; kiến thức lí thuyết có thể được vận dụng để giải thích hoặc phân tích những hiện tượng ngôn ngữ nào. Cách tổ chức này giúp SV xác định rõ mục đích đọc và chú ý đến mối quan hệ giữa các đơn vị kiến thức thay vì chỉ ghi nhớ từng nội dung riêng lẻ.

Đối với những nội dung có nhiều thuật ngữ và khái niệm trừu tượng, GV có thể hướng dẫn SV ghi chú và hệ thống hóa kiến thức bằng bảng hoặc sơ đồ. SV xác định các thành tố cơ bản như khái niệm, đặc điểm, tiêu chí phân loại và ví dụ minh họa; đồng thời ghi lại những nội dung chưa hiểu hoặc cần trao đổi thêm. Cách làm này phù hợp với thực trạng chỉ 20,0% SV cho biết thường xuyên tóm tắt bài học bằng sơ đồ.

Như vậy, thay vì mặc định SV đã có khả năng tự nghiên cứu giáo trình, GV cần từng bước hướng dẫn SV xác định trọng tâm, ghi chú, hệ thống hóa và kiểm tra mức độ hiểu của bản thân trong quá trình đọc.

2.3.2. Gắn hoạt động đọc giáo trình với nhiệm vụ học tập

Các hoạt động tự học đòi hỏi SV chủ động khai thác tài liệu được thực hiện với tần suất thấp hơn các hoạt động nghe giảng, ghi chép và làm bài tập. Chỉ 24,0% SV thường xuyên nghiên cứu bài trước khi đến lớp và 20,0% thường xuyên tóm tắt bài học bằng sơ đồ. Do đó, hoạt động đọc giáo trình cần được gắn với những NVHT cụ thể.

GV có thể thiết kế phiếu học tập hoặc hệ thống câu hỏi từ đơn giản đến phức tạp, yêu cầu SV xác định khái niệm trọng tâm, tóm tắt nội dung chính, lập sơ đồ quan hệ giữa các khái niệm hoặc vận dụng kiến thức trong giáo trình để giải thích một ngữ liệu cụ thể. Với những nội dung phù hợp, SV có thể đối chiếu các khái niệm, tìm điểm giống và khác nhau giữa các hiện tượng ngôn ngữ hoặc sử dụng kiến thức đã đọc để thực hiện một nhiệm vụ phân tích ngắn. Những nhiệm vụ này tạo mục đích cụ thể cho hoạt động đọc và giúp GV có cơ sở nhận diện mức độ khai thác giáo trình của SV.

Khi hoạt động đọc được gắn thường xuyên với NVHT, giáo trình có thể trở thành nguồn học liệu được SV khai thác trong suốt quá trình học tập, thay vì chủ yếu được sử dụng khi ôn tập hoặc làm bài tập.

2.3.3. Tổ chức hoạt động trên lớp theo hướng khai thác kết quả đọc

Khảo sát cho thấy SV thực hiện tương đối thường xuyên các hoạt động mang tính tiếp nhận như nghe giảng và ghi chép, trong khi những hoạt động đòi hỏi sự chủ động như đặt câu hỏi và trao đổi, thảo luận được thực hiện với tần suất thấp hơn. Vì vậy, tổ chức lớp học cần tạo thêm cơ hội để SV sử dụng, kiểm chứng và trao đổi về những nội dung đã đọc.

GV có thể tổ chức các hoạt động như giải thích ngữ liệu dựa trên khái niệm trong giáo trình, đối chiếu các khái niệm, phát hiện và điều chỉnh cách hiểu chưa chính xác hoặc thảo luận nhóm về một vấn đề dựa trên nội dung đã đọc. Những hoạt động này giúp chuyển kết quả đọc thành nội dung trao đổi và vận dụng, đồng thời tạo điều kiện để GV nhận diện những khó khăn của SV trong quá trình tự học.

Slide bài giảng nên được sử dụng chủ yếu để định hướng, khái quát hoặc trực quan hóa những nội dung trọng tâm, thay vì thay thế nội dung giáo trình. Những vấn đề cần tìm hiểu sâu hơn có thể được giao cho SV khai thác trực tiếp từ giáo trình và sử dụng kết quả đọc để hoàn thành NVHT hoặc tham gia thảo luận.

Ba định hướng trên có thể được triển khai theo một chu trình thống nhất: hướng dẫn SV đọc và khai thác giáo trình → gắn việc đọc với NVHT → sử dụng kết quả đọc trong hoạt động trên lớp. Chu trình này tạo sự liên kết giữa đọc giáo trình, tự học và học tập trên lớp, qua đó hỗ trợ SV từng bước hình thành cách tự học phù hợp với yêu cầu của học phần Dẫn luận ngôn ngữ.

III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát cho thấy một bộ phận SV còn gặp khó khăn khi đọc và khai thác giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học, đặc biệt ở việc xác định nội dung trọng tâm, liên kết và hệ thống hóa kiến thức, cũng như vận dụng thông tin từ giáo trình để thực hiện NVHT. Một số hoạt động tự học như đọc trước bài, tóm tắt và hệ thống hóa kiến thức cũng chưa được thực hiện thường xuyên.

Những kết quả này cho thấy khả năng đọc và khai thác giáo trình không nên được mặc nhiên xem là một năng lực đã hoàn thiện ở SV đại học. Vì vậy, việc tổ chức dạy học học phần Dẫn luận ngôn ngữ cần quan tâm hơn đến việc hướng dẫn SV đọc, xử lí và khai thác giáo trình, đồng thời gắn hoạt động đọc với các NVHT trên lớp và hoạt động tự học.

Với phạm vi khảo sát tại một cơ sở đào tạo, nghiên cứu cung cấp những dữ liệu bước đầu về vấn đề này và gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo về việc đọc giáo trình chuyên ngành và các hình thức hướng dẫn đọc trong đào tạo đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2026). Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 quy định về chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Gorzycki, M., Desa, G., Howard, P. J., & Allen, D. D. (2020). "Reading Is Important," but "I Don't Read": Undergraduates' Experiences With Academic Reading. Journal of Adolescent & Adult Literacy, 63(5), 499–508.

Trường Đại học Hạ Long (2023). Đề cương chi tiết học phần Dẫn luận ngôn ngữ.

Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết. (2006). Dẫn luận ngôn ngữ học. Hà Nội: NXB Giáo dục.